

Bản án số: 22/2019/HS-PT
Ngày 30 -5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nông Biên Hòa

Các Thẩm phán: Ông Mã Văn Quân

Bà Lưu Thu Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Thùy Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 15/2019/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 đối với bị Triệu Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện huyện K, tỉnh Cao Bằng.

- Bị cáo kháng cáo:

Triệu Văn T, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1974 tại xã V, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm M, xã V, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 3/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn S, sinh năm 1949 và bà Nông Thị Th, sinh năm 1951; vợ: Triệu Thị N, sinh năm 1977 và 03 con: Con lớn nhất sinh năm 1995; con nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 20/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 55 phút ngày 20/12/2018, tổ công tác Đội cảnh sát giao thông, trật tự Công an huyện K đang làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại tỉnh lộ 206 thuộc địa phận xóm N1, xã D thì phát hiện xe mô tô BKS 11F5-9xxx, loại xe 02 bánh màu nâu, nhãn hiệu HONDA di chuyển theo hướng K đi thành phố C, tổ công tác đã yêu cầu dừng xe, tiến hành kiểm tra người điều khiển mô tô là Triệu Văn T, đằng sau chở theo 04 (bốn) bao tải màu trắng theo lời khai của T là pháo do Trung Quốc sản xuất. Tổ công tác đã lập biên bản phạm pháp quả tang, tạm giữ người, tang vật và phương tiện theo quy định. Ngoài ra còn tạm giữ 01 (một) điện thoại NOKIA màu xanh đen đã qua sử dụng, 01 (một) chùm chìa khóa.

Ngày 21/12/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện K tiến hành mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng vụ án trích lấy mẫu gửi giám định, tiến hành cân số pháo nổ đã thu giữ: Qua cân có khối lượng là 83 kg (tám mươi ba kilogam) và tách một phần để giám định.

Cùng ngày cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K ra quyết định trưng cầu giám định số pháo đã thu giữ. Tại kết luận giám định số 7322/C09-P2 ngày 26/12/2018 của Viện khoa học Hình sự - Bộ công an kết luận: “Các mẫu vật gửi giám định là pháo nổ có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo khi đốt có gây tiếng nổ).

Trong quá trình điều tra bị cáo Triệu Văn T khai nhận 04 (bốn) bao tải trên đều là pháo, T vận chuyển thuê cho một người đàn ông tên là L, lái xe công te nơ, không biết địa chỉ, T gặp người đó trong khi bốc hàng. Ngày 20/12/2018 T đang ở nhà thì L đến thuê T vận chuyển pháo từ xã S, huyện K đi đến xã H, huyện K với số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Khi T đang vận chuyển đến xóm N1 thì bị phát hiện bắt quả tang.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2019/HSST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Văn T03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 20/12/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy số pháo có khối lượng 83 kg (tám mươi ba kilogam) chưa trừ phần gửi giám định.

- Tuyên tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước: 01 xe máy BKS 11F1-9xxx nhãn hiệu HONDA.

- Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động màu xanh đen đã qua sử dụng nhãn hiệu NOKIA.

- 01 (một) chùm chìa khóa trả lại cho bị cáo T vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ nộp án phí, quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 25/3/2019, bị cáo Triệu Văn T đã có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Triệu Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo khai: Ngày 20/12/2018, bị cáo nhận chở 04 (bốn) bao tải pháo cho một người đàn ông tên là L, lái xe công te nơ, không rõ địa chỉ ở đâu từ xã S đến xã H, huyện K với tiền công 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Khi đến xóm N1, xã D, huyện K thì bị công an bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật. Sau khi bị đưa về cơ quan điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tuy nhiên án cấp sơ thẩm không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo và xét xử bị cáo với mức án 03 (ba) năm tù là quá nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo Triệu Văn T được gửi trong thời hạn kháng cáo, có đầy đủ nội dung theo quy định. Do vậy, đơn kháng cáo là hợp pháp. Xét yêu cầu kháng cáo, cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên hành vi bị cáo vận chuyển hàng cấm với số lượng 83 kg, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào khác, xét thấy về mức hình phạt như án sơ thẩm tuyên là thỏa đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HSST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Triệu Văn T có kháng cáo; xét đơn kháng cáo của bị cáo viết trong hạn luật định và thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội: Hồi 22 giờ 55 phút ngày 20/12/2018, tổ công tác Đội cảnh sát giao thông, trật tự Công an huyện K đang làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại tỉnh lộ 206 thuộc địa phận xóm N1, xã D thì phát hiện xe mô tô BKS 11F5-9xxx, loại xe 02 bánh màu nâu, nhãn hiệu HONDA di chuyển theo hướng K đi thành phố C, tổ công tác đã yêu cầu dừng xe, tiến hành kiểm tra người điều khiển mô tô là Triệu Văn T, đằng sau chở theo 04 (bốn) bao tải màu trắng theo lời khai của T là pháo do Trung Quốc sản xuất. Lời khai của bị cáo Triệu Văn T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; biên bản bắt người phạm tội quả tang vào hồi 22 giờ 55 phút ngày 20/12/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Cao Bằng; phù hợp với kết luận giám định số 7322/C09-P2 ngày 26/12/2018 của Viện khoa học Hình sự - Bộ công an và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Do vậy có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự. Bản án cấp sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng tuyên bố bị cáo phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý một số loại hàng hóa mà Nhà nước cấm các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh do có ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Hành vi vận chuyển 83kg pháo nổ của bị cáo đã phạm vào tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự quy định: “2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000đ hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm: g. Pháo nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam*”. Cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo mức án 03 năm tù là không cao. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do vậy cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Như vậy, bị cáo có thêm một tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên xét thấy hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, vận chuyển hàng cấm với số lượng lớn 83 kg pháo; xét nhân thân bị cáo là xấu, năm 2007 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 7 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tại phiên tòa phúc thẩm bản thân bị cáo cũng không đưa ra được căn cứ giảm nhẹ nào khác ngoài tình

tiết thành khẩn khai báo. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Triệu Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Triệu Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 03 (ba) năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/12/2018.

2. Về án phí:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Triệu Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh CB;
- Sở Tư pháp tỉnh CB;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mã Văn Quân

Lưu Thu Giang

Nông Biên Hòa